

TRƯỜNG THCS HUỖNH VĂN NGHỆ



**CHÀO MỪNG CÁC EM
ĐẾN VỚI LỚP HỌC
TRỰC TUYẾN**



Tiết 43:

ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

I. Từ vựng:

1. Lý thuyết:

Nối cột A với cột B để hoàn thành khái niệm các kiến thức từ vựng đã học.



CỘT A (TÊN BÀI)

1. Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ
2. Trường từ vựng
3. Từ tượng hình.
4. Từ tượng thanh.
5. Từ ngữ địa phương
6. Biệt ngữ xã hội
7. Biện pháp tu từ nói quá.
8. Biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh

CỘT B (KHÁI NIỆM)

- a. Là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người.
- b. Nghĩa của một từ ngữ có thể rộng hơn (khái quát hơn) nghĩa của từ khác.
- c. Là tập hợp những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.
- d. Là từ gọi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.
- e. Là từ ngữ chỉ được dùng trong một tầng lớp XH nhất định.
- g. Là từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định.
- h. Là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề, tránh thô tục, thiếu lịch sự.
- i. Là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.

BẢNG KHÁI NIỆM CÁC KIẾN THỨC TỪ VỰNG ĐÃ HỌC - HỌC KỲ I- NGỮ VĂN 8

| STT | TÊN BÀI | KHÁI NIỆM |
|---|--|---|
|  1 | Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ | <p>Nghĩa của một từ ngữ có thể rộng hơn (khái quát hơn) nghĩa của từ khác.</p> <ul style="list-style-type: none">- Từ có nghĩa rộng khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó bao hàm phạm vi nghĩa của một số từ ngữ khác.- Từ có nghĩa hẹp khi phạm vi nghĩa của từ ngữ đó được bao hàm trong phạm vi nghĩa của một từ ngữ khác. |
|  2 | Trường từ vựng | <p>Là tập hợp những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.</p> <ul style="list-style-type: none">- Một trường từ vựng có thể bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn.- Do hiện tượng nhiều nghĩa, một từ có thể thuộc nhiều trường từ vựng khác nhau |

Tìm từ ngữ nghĩa rộng và từ ngữ nghĩa hẹp

- Động vật, thú, chim, cá




- Cá rô, cá chép, cá, cá chim

Tìm trường từ vựng.

+ Bộ phận của mắt : *lòng đen, lòng trắng, con ngươi, lông mày, lông mi*

+ Đặc điểm của mắt: *đờ đẫn, sắc, lơ lơ, tinh, mù loà,*

BẢNG KHÁI NIỆM CÁC KIẾN THỨC TỪ VỰNG ĐÃ HỌC - HỌC KỲ I- NGỮ VĂN 8

| STT | TÊN BÀI | KHÁI NIỆM |
|---|---|--|
| 3a  | Từ tượng hình. | - Là từ gọi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật. |
| 3b | Từ tượng thanh. | - Là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người. |
|  4a | Từ ngữ địa phương | - Là từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc số) địa phương nhất định. |
| 4b | Biệt ngữ xã hội | - Là từ ngữ chỉ được dùng trong một tầng lớp XH nhất định. |
| 5a  | Biện pháp tu từ nói quá. | - Là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm. |
| 5b | Biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh. | - Là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề, tránh thô tục, thiếu lịch sự. |

VD về từ tượng hình.

móm mém, rũ rượi, lom khom,...

VD về từ tượng thanh.

hu hu, róc rách

VD về từ ngữ địa phương.

bấp, má, tía

VD về biệt ngữ xã hội.

trúng tử, con ngỗng

VD về nói quá.

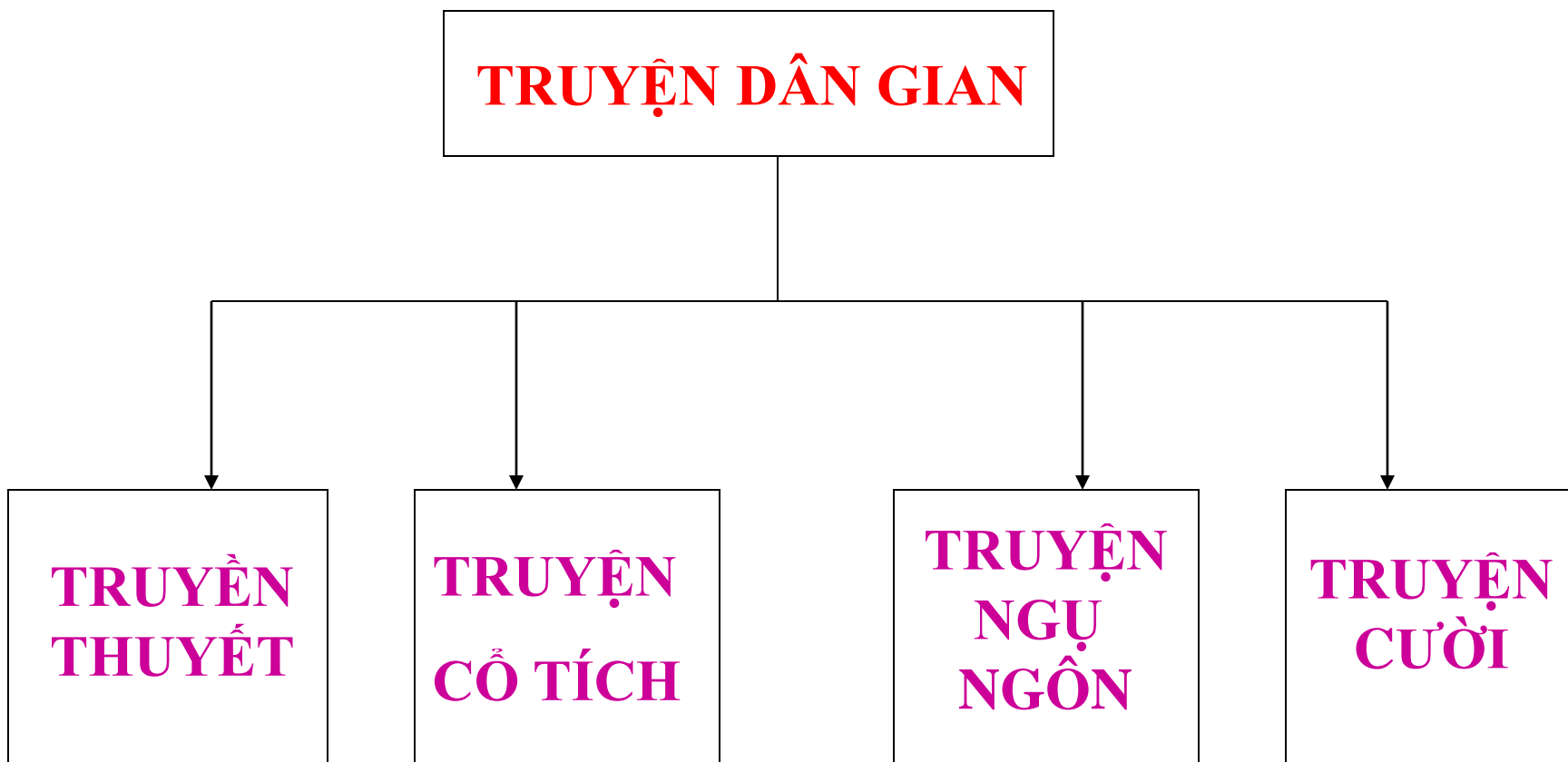
*Cày đồng đang buổi ban trưa,
Mồ hôi **thánh** thót như mưa ruộng cày.*

VD về nói giảm, nói tránh.

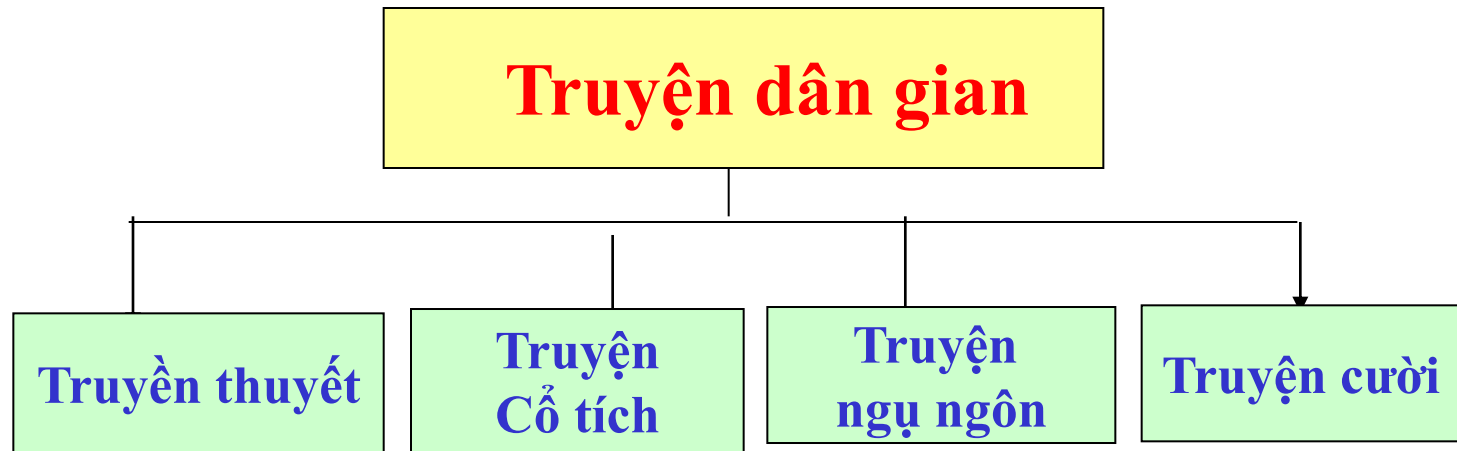
*Bác đã **đi** rồi sao Bác ơi!
Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời.*



2. Thực hành:a) Dựa vào kiến thức về ăn học dân gian và về cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ để điền từ thích hợp vào ô trống theo mẫu.



?Vì sao em điền từ như vậy?



- Từ ngữ có nghĩa rộng:
Truyện dân gian

- Từ ngữ có nghĩa hẹp:
Truyện thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười.

=> **Truyện thuyết** : là truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện lịch sử xa xưa, có nhiều yếu tố thần kì.

=> **Cổ tích**: là truyện dân gian kể về cuộc đời, số phận của một số nhân vật quen thuộc.....

=> **Truyện ngụ ngôn**: là truyện dân gian mượn chuyện về con vật đồ vật, hoặc về con người để nói bóng gió về con người

=> **Truyện cười**: là truyện dân gian dùng hình thức gây cười để mua vui hoặc phê phán.

Từ ngữ chung là: truyện dân gian

ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT

Tìm trong ca dao Việt Nam 2 VD về biện pháp tu từ nói quá hoặc nói giảm nói tránh ?

b. Tìm ví dụ

Nói quá:

Thò tay anh ngắt cọng ngò

Thương em đứt ruột giả đò ngó lơ.

Tiếng đồn cha mẹ anh hiền

Cấn cơm không vỡ cấn tiền vỡ đôi.

Nói giảm nói tránh:

- Bạn học không được chăm chỉ lắm .

- Cụ Bơ Men đã qua đời vì bệnh sung phổi .

ÔN TẬP VÀ PHẦN TIẾNG VIỆT

Viết hai câu, trong đó một câu có dùng từ tượng hình, một câu có dùng từ tượng thanh?

c. Đặt câu

- Lom khom dưới núi tiêu vài chú
Từ tượng hình

(Bà huyện Thanh Quan)

- Ngoài trời, mưa rơi lộp bộp
Từ tượng thanh



II. NGỮ PHÁP

1. Lý thuyết

Nối cột A với cột B để hoàn thành bảng khái niệm các kiến thức **ngữ pháp**.

Nối cột A với cột B để hoàn thành khái niệm các kiến thức từ vựng đã học.

CỘT A (TÊN BÀI)

1. TRỢ TỪ

2. THÁN TỪ

3. TÌNH THÁI TỪ

4. CÂU GHÉP

CỘT B (KHÁI NIỆM)

a. Là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến của từ ngữ đó.





b. Là những câu do hai hoặc nhiều cụm C- V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C- V này được gọi là một vế câu.

c. Là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp.

d. Là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và để biểu thị sắc thái tình cảm của người nói .



BẢNG KHÁI NIỆM CÁC KIẾN THỨC NGỮ PHÁP HKI - NGỮ VĂN 8

| STT | BÀI HỌC | KHÁI NIỆM |
|---|---------------------|--|
| 1  | TRỢ TỪ | Là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến của từ ngữ đó. |
| 2  | THÁN TỪ | Là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. |
| 3  | TÌNH THÁI TỪ | Là những từ được thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và để biểu thị sắc thái tình cảm của người nói . (<i>Tình thái từ nghi vấn, tình thái từ cầu khiến, tình thái từ cảm thán, tình thái từ biểu thị sắc thái biểu cảm</i>) |
| 4  | CÂU GHÉP | Là những câu do hai hoặc nhiều cụm C- V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C- V này được gọi là một vế câu. |

VD về trợ từ.

Bạn Nam giải có hai bài tập.

=> Ngoài từ *có*, trợ từ còn có các từ *những, chính, đích, ngay....*

VD về thán từ.

* Thán từ gọi đáp

- *Này*, Nam đang làm gì vậy ?
- *Vâng*, mình đang làm bài.

* Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

- *Ôi!* Hôm nay trời lạnh quá.

=> - Thán từ gọi đáp : *này, ời, vâng, dạ, ừ...*
- Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc: *a, ái, ời, ôi, ô hay, than ôi, trời ời,...*

VD về tình thái từ.

* Tình thái từ nghi vấn : - *Bạn làm bài tập TV chưa ?*

* Tình thái từ cầu khiến : - *Em nín đi !*

* Tình thái từ cảm thán :

*Thương thay cũng một kiếp người,
Khéo thay mang lấy sắc tài làm chi !*

* Tình thái từ biểu thị sắc thái biểu cảm : - *Em chào cô ạ !*

=>- Tình thái từ nghi vấn : *à, ư, hả, hử, chớ, chăng,...*

- Tình thái từ cầu khiến : *đi, nào, với,...*

- Tình thái từ cảm thán : *thay, sao,...*

- Tình thái từ biểu thị sắc thái biểu cảm : *ạ, nhé, cơ, mà,...*

VD về câu ghép.

Vì trời / mưa / nên / đường / trơn, trượt.

C V C V

(*vì, nên* là quan hệ từ theo cặp)

2. Thực hành

a) Xác định trợ từ, thán từ, tình thái từ trong các câu sau:

(1) Tính ra cậu Vàng cậu ấy ăn khỏe hơn **cả** tôi, ông giáo **ạ** !

(“*Lão Hạc*” – Nam Cao)

(2) **Vâng**, ông giáo dạy phải ! Đối với chúng mình thế là sung sướng.

(“*Lão Hạc*” – Nam Cao)

(3) Con chó là của cháu nó mua **đấy** **chứ** !

(“*Lão Hạc*” – Nam Cao)

b: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

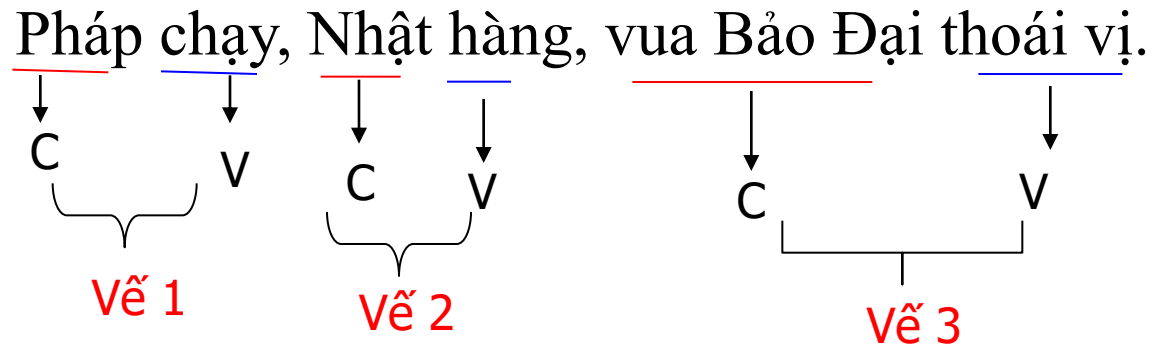
Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị.
Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100
năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập.
Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế
kỉ mà lập nên chế độ Dân chủ cộng hòa.

(Hồ Chí Minh, Tuyên ngôn độc lập)

- a, Xác định câu ghép trong đoạn trích trên?
- b, Nếu tách câu ghép thành câu đơn được không?
Nếu được thì việc tách đó có làm thay đổi ý cần
diễn đạt hay không?

Hãy chỉ ra câu ghép trong đoạn trích “ Tuyên ngôn độc lập” của Hồ Chí Minh ? Nếu tách các vế ra thành câu đơn được không ? Có làm thay đổi ý cần diễn đạt không ?

Xác định câu ghép.



- Về mặt ngữ pháp, các vế câu có thể tách thành các câu đơn, nhưng ý diễn đạt sẽ thay đổi: không thể hiện rõ mối liên hệ, sự liên tục của 3 sự việc.

C: Xác định câu ghép và cách nối các vế câu trong đoạn trích sau:

Chúng ta không thể nói tiếng ta đẹp như thế nào cũng như ta không thể nào phân tích cái đẹp của ánh sáng, của thiên nhiên. Nhưng đối với chúng ta là người Việt Nam, chúng ta cảm thấy và thương thức một cách tự nhiên cái đẹp của tiếng nước ta, tiếng nói của quần chúng nhân dân trong ca dao và dân ca, lời văn của các nhà văn lớn. Có lẽ tiếng Việt của chúng ta đẹp bởi vì tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp, bởi vì đời sống, cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ trước tới nay là cao quý, là vĩ đại, nghĩa là rất đẹp.

(Phạm Văn Đồng, Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt)

*Câu ghép:

-Chúng ta , không thể nói tiếng ta đẹp như thế nào

C

V

cũng như ta không thể nào phân tích cái đẹp của

C

V

ánh sáng, của thiên nhiên.

-Có lẽ tiếng Việt ,của chúng ta đẹp bởi vì tâm hồn

C

V

C

của người Việt Nam ta rất đẹp,

V

bởi vì đời sống, cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ trước tới

C

V

nay là cao quý, là vĩ đại, nghĩa là rất đẹp.

=> Các vế của câu ghép được nối với nhau bằng quan hệ

từ: **cũng như, có lẽ...bởi vì...**

CÙNG CỐ - DẶN DÒ:

- Ôn tập kĩ nội dung đã học.
- Hoàn thành bài tập.
- Soạn bài: *Ôn tập Tập làm văn*